

Tiền Giang, ngày 04 tháng 10 năm 2023

Số: 259/QĐ-BQLDADDCN

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu, chi quản lý dự án
Quý III năm 2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình
dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang; Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 22/3/2017 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang; Quyết định số 3565/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 về việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang; Quyết định số 3630/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 về việc điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao quyền và phân loại mức tự chủ tài chính đối với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 143/QĐ-BQLDADDCN ngày 27/5/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh về việc ban hành Quy chế công khai minh bạch;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi quản lý dự án Quý III năm 2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Chánh Văn phòng Ban Quản lý dự án, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, TCKH (Trúc, 5b).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thanh Phương

Tiền Giang, ngày 04 tháng 10 năm 2023

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
QUÝ III NĂM 2023**

*(Kèm theo Quyết định số 259/QĐ-BQLDADDCN ngày 04/10/2023 của Ban Quản lý dự án
đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)*

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý III năm 2023 như sau:

ĐV tính: ngàn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực quý III năm 2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	22.181.333	5.465.348	24,64	16,24
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
2	Chi quản lý hành chính				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.782.896	1.705.504	15,82	15,80
I	Nguồn ngân sách trong nước	10.782.896	1.705.504	15,82	15,80
1	Chi quản lý hành chính	10.782.896	1.705.504	15,82	15,80
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	10.782.896	1.705.504	15,82	15,80
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực quý III năm 2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Thanh Phương

UBND TỈNH TIỀN GIANG
BQL DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH DD & CN

**CÔNG KHAI THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
QUÝ III NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 259/QĐ-BQLDADDCN ngày 04/10/2023 của Ban Quản lý dự án
đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang)

ĐV tính: đồng

MỤC	DIỄN GIẢI	SỐ TIỀN
A	NGUỒN THU	5.465.347.886
I	Thu chi phí từ các dự án được giao (từ nguồn chi thường xuyên)	5.453.402.886
1	Cải tạo, sửa chữa Trường Đại học Tiền Giang, cơ sở Thân Cửu Nghĩa làm bệnh viện dã chiến phục vụ công tác phòng, chống Covid-19	328.199.000
2	S/c công trình Trụ sở Nhà thiếu nhi TG để sử dụng BV dã chiến số 5	141.698.000
3	Sửa chữa, cải tạo Trường THPT Tân Phước và Trường THCS Thị trấn Mỹ Phước làm khu cách ly y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid-19	69.286.000
4	S/c cải tạo BV y học cổ truyền thành TT hồi sức cấp cứu bệnh nhân Covid -19	394.392.000
5	Cải tạo các cơ sở thành khu cách ly y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid-19 (Phòng khám Quân, Dân y và Bệnh viện Lao và bệnh phổi Tiền Giang)	16.694.000
6	Hệ thống xử lý nước thải tại Bệnh viện dã chiến số 6	123.878.886
7	Sửa chữa khu cách ly tại Trung tâm Y tế H. Cai Lậy và TX. Cai Lậy	146.713.000
8	Mở rộng đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định KV2 (GD2)	364.111.000
9	Xây mới và cải tạo, sửa chữa Bệnh viện dã chiến số 1 (cơ sở 2)	209.424.000
10	Đầu tư mua sắm thiết bị và nâng cấp, cải tạo khu điều trị bệnh nhân Covid-19 quy mô 100 giường tại Sở y tế	205.644.000
11	Đầu tư xây mới TT kiểm nghiệm, kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh TG	2.542.771.000
12	Đầu tư cải tạo, mở rộng và xây mới 03 Trung tâm y tế tuyến huyện tỉnh TG - DA thành phần 2: Trung tâm y tế H. Chợ Gạo	749.602.000
13	Hạ tầng kỹ thuật xung quanh BVĐK tỉnh	160.990.000
II	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn	11.945.000
14	Sửa chữa nâng cấp nhà khách Chương Dương	11.945.000
III	Nguồn thu hợp pháp khác	0
B	CÁC KHOẢN CHI	1.705.503.860
6001	Lương theo ngạch, bậc	978.764.900
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	90.000.000
6101	Phụ cấp chức vụ	27.540.000
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	6.185.100
6123	Phụ cấp công tác Đảng, Đoàn thể chính trị - xã hội	23.220.000

MỤC	DIỄN GIẢI	SỐ TIỀN
6149	Phụ cấp khác (<i>phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp độc hại</i>)	1.881.000
6301	Bảo hiểm xã hội	192.648.500
6302	Bảo hiểm y tế	32.889.000
6303	Kinh phí công đoàn	21.958.800
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	10.963.200
6501	Tiền điện	16.524.194
6502	Tiền nước	1.301.520
6503	Tiền nhiên liệu	20.690.141
6551	Văn phòng phẩm	30.882.306
6599	Vật tư văn phòng khác	41.158.133
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	4.383.609
6603	Cước phí bưu chính	2.181.166
6606	Tuyên truyền; quảng cáo	1.626.000
6608	Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	1.082.800
6618	Khoản điện thoại	2.700.000
6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	14.500.000
6702	Phụ cấp công tác phí	31.780.000
6703	Tiền thuê phòng ngủ	4.620.000
6704	Khoản công tác phí	62.300.000
6749	Chi khác	1.890.000
6751	Thuê phương tiện vận chuyển	1.296.000
6901	Ô tô dùng chung	6.248.770
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	500.000
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	9.070.000
7761	Chi tiếp khách	27.594.000
7799	Chi các khoản khác (<i>bảo hộ lao động, bảo trì thang máy, bảo trì hệ thống điện trên mái nhà...</i>)	37.124.721

Tiền Giang, ngày 04 tháng 10 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Thanh Phương